TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/KDTM-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025.
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2025/TLST-KDTM ngày 27tháng 3 năm 2025 (LT) về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QXXXST - KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần T2.

Địa chỉ trụ sở: Lô F, KCN L - B, xã L (xã L, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Lô F, KCN L - B, xã L (xã L, huyện L cũ), tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R.

Địa điểm kinh doanh: Số nhà A, ấp D C, xã B, tỉnh Vĩnh Long (Số nhà A, ấp D C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre cũ).

Người đại diện: Ông Võ Thành R.

Địa chỉ: Số nhà A, ấp D C, xã B, tỉnh Vĩnh Long (Số nhà A, ấp D C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre cũ).

(Bà M có mặt, Ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện (sửa đổi, bổ sung), các bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty Cổ phần T2 do bà M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/10/2022, Công ty TNHH T2 nay là Công ty Cổ phần T2 (gọi tắt là Công ty T2) và ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R đã ký Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 30 GPR the, GX the, SB,TS, WPR/BTR 2022. Theo đó, Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R sẽ trở thành Nhà phân phối cấp 1 của Công ty G để phân phối sản phẩm Thức ăn nuôi tôm mang thương hiệu GrowMax do công ty T2 sản xuất. Hai bên đã đặt hàng và giao nhận hàng hoá theo đúng quy định tại Điều IV của Hợp đồng. Theo đó Bên B (Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R) sẽ phải thanh toán cho Bên A (Công ty T2) theo Điều 5 của Hợp đồng, cụ thể là:

5.1 Bên B thanh toán 100% giá trị từng Đơn đặt hàng cho Bên A trước khi nhận hang, hoặc sau khi nhận hàng tùy từng thời điểm và theo quyền quyết định duy nhất của Bên A.

5.5 Chậm nhất vào ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng này, Bên B phải thanh toán toàn bộ số dư nợ cho Bên A.

5.6 Trường hợp Bên B ngưng lấy hàng trước ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng thì Bên B phải thanh toán toàn bộ số tiền Bên B còn nợ cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên B nhận lô hàng cuối cùng.

Trong quá trình hợp tác, hai bên cũng đã ký kết thêm Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 02/01/2024 sẽ chiết khấu thanh toán và phạt quá hạn thanh toán. Theo đó, các công nợ quá hạn từ 81 ngày trở lên (kể từ ngày xuất hóa đơn) ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R sẽ phải chịu mức lãi phạt quá hạn thanh toán là 0.035%/ ngày quá hạn.

Nay ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R còn nợ Công ty T2 số tiền là 406.917.646 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu, chín trăm mười bảy ngàn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng) và Công ty G1 tính tiền lãi đối với số nợ này theo mức lãi suất 0.035%/ngày tính từ 81 ngày trở lên (kể từ ngày xuất hóa đơn) theo Phụ lục số 01/2024, số tiền lãi được tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 51.271.600 đồng.

Tại phiên tòa Công ty T2 yêu cầu ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R thanh toán số tiền hàng gốc 406.917.646 đồng và tiền lãi 51.271.600 đồng yêu cầu tính đến ngày 01/8/2025. Tiền lãi được tính tiếp theo Công ty T2 yêu cầu tính theo thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng số Phụ lục số 01/2024 ngày 02/01/2024 các bên đã ký kết kể từ ngày Công ty T2 có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không gửi ý kiến trình bày cho Tòa án.

Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Đơn khởi kiện ngày 09/01/2025; Đơn khởi kiện (sửa đổi, bổ sung) ngày 05/5/2025; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên Công ty TNHH T2; Đơn đề nghị chấm dứt hòa giải và chuyển hồ sơ sang tòa án giải quyết ngày 19/3/2025; Giấy ủy quyền số 01/2025/GUQ ngày 09/01/2025 (Khoa – Miền); Bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/7/2024 – 31/7/2024; Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm ngày 01/10/2022; Phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2024; Các hóa đơn giá trị gia tăng; CCCD bà M; Đơn đề nghị hòa giải tại trung tâm hòa giải ngày 09/01/2025; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần T2; Văn bản ngày 05/5/2025 của nguyên đơn; Giấy ủy quyền số 04/2025/GUQ ngày 05/5/2025 (Tịnh – Miền); Bản tự khai ngày 01/8/2025 của đại diện nguyên đơn, Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của đại diện nguyên đơn.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm, ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R đã không tuân thủ đúng các quy định trong hợp đồng, không thanh toán cho Công ty T2 đúng thời hạn đã thỏa thuận.

Qua nhiều lần giao hàng và xuất hóa đơn, ngày 23/5/2024 ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R đã nhận lô hàng cuối cùng của Công ty T2. Như vậy, đến ngày 07/6/2024 ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ hàng đã xuất là 406.917.646 đồng, số tiền này đã được phía nguyên đơn là Công ty T2 xuất các hoá đơn cho ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc phía bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn.

Về yêu cầu lãi: Căn cứ vào Điều 5.6 Trường hợp Bên B ngưng lấy hàng trước ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng thì Bên B phải thanh toán toàn bộ số tiền Bên B còn nợ cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên B nhận lô hàng cuối cùng. Sau đó các bên có ký Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 02/01/2024 sẽ chiết khấu thanh toán và phạt quá hạn thanh toán. Theo đó, các công nợ quá hạn từ 81 ngày trở lên (kể từ ngày

xuất hóa đơn) ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R sẽ phải chịu mức lãi phạt quá hạn thanh toán là 0.035%/ ngày quá hạn.

Số tiền ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R còn nợ là 406.917.646 đồng, số tiền này theo quy định tại hợp đồng là phải thanh toán trong vòng 15 ngày. Số tiền lãi phạt chậm thanh toán được tính kể từ ngày xuất hóa đơn cho mỗi lần giao hàng thì chậm thanh toán sẽ tính lãi suất 0.035%/ ngày với số tiền chưa thanh toán đối với từng hóa đơn xuất ra tính từ ngày 81 trở đi. Ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng, do ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R không thanh toán đúng thời hạn nên được tính theo thỏa thuận các bên đã ký kết với số tiền lãi nguyên đơn chỉ yêu cầu tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 51.271.600 đồng. Tiền lãi được tính tiếp theo theo thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 02/01/2024 các bên đã ký kết kể từ ngày Công ty Cổ phần T2 có đơn yêu cầu thi hành án.

Từ các nhận định trên căn cứ theo Điều 34, 54, 55, 306 Luật thương mại 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R thanh toán cho Công ty T2 số tiền còn nợ trong hợp đồng là nợ gốc: 406.917.646 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 51.271.600 đồng, tổng cộng 458.189.246 đồng.

Tiền lãi được tính tiếp theo theo thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 02/01/2024 các bên đã ký kết kể từ ngày Công ty Cổ phần T2 có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T2 khởi kiện yêu cầu ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R thanh toán nợ của hợp đồng mua bán hàng hóa, đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại giữa tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Theo thỏa thuận trong hợp đồng lựa chọn tòa án có thẩm quyền tại Đồng Nai là nơi nguyên đơn có trụ sở để giải quyết tranh chấp nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 yêu cầu ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R thanh toán nợ:

Nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mời làm việc nhưng bị đơn vắng mặt. Tòa án tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ đến Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (cũ) nhưng cũng không có kết quả hay ý kiến từ phía bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa nhân dân huyện L, nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai tiếp tục tiến hành mời làm việc, hòa giải, xét xử đối với bị đơn nhưng đều vắng mặt và không cung cấp ý kiến.

Căn cứ theo Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 30 GPR the, GX the, SB,TS, WPR/BTR 2022 được ký kết giữa Công ty TNHH T2 nay là Công ty Cổ phần T2 và ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R ngày 01/10/2022, các bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán để phân phối thức ăn nuôi tôm tiêu thụ sản phẩm Thức ăn nuôi tôm mang thương hiệu Growmax. Tài liệu kèm theo là các hóa đơn, bản đối chiếu công nợ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/5/2024 ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R đã nhận lô hàng cuối cùng của Công ty T2. Theo thỏa thuận về điều kiện thanh toán, đến ngày 07/6/2024 ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ hàng đã xuất theo từng hóa đơn mà chưa thanh toán là 406.917.646 đồng. Số tiền này đã được nguyên đơn Công ty T2 xuất hoá đơn cho ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R. Như vậy, tính thời hạn thanh toán là 15 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn nhưng không thanh toán. Đến ngày 07/6/2024 ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ nêu trên cho Công ty T2 nhưng ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R vẫn chưa thanh toán là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T2.

Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, nhận thấy: Khi giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng N quy định tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Sau đó các bên có ký Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 02/01/2024 quy định về chiết khấu thanh toán và phạt quá hạn thanh toán theo khoản 1.2 Điều 1 của phụ lục này quy định: Thời hạn thanh toán (kể từ ngày xuất hóa đơn) từ ngày 81 trở lên mức lãi phạt quá hạn thanh toán là 0.035%/ngày nên áp dụng theo thỏa thuận này giữa các bên để tính tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp quy định pháp luật.

Số tiền ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R còn nợ là 406.917.646 đồng, số tiền này theo quy định tại hợp đồng là phải thanh toán trong vòng 15 ngày. Số tiền lãi phạt chậm thanh toán được tính kể từ ngày xuất hóa đơn

cho mỗi lần giao hàng thì chậm thanh toán sẽ tính lãi suất 0.035%/ ngày với số tiền chưa thanh toán đối với từng hóa đơn xuất ra tính từ ngày 81 trở đi.

Ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng, do ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R không thanh toán đúng thời hạn nên được tính theo thỏa thuận các bên đã ký kết với số tiền lãi nguyên đơn chỉ yêu cầu tạm tính đến ngày 01/8/2025 là 51.271.600 đồng là có căn cứ.

Tiền lãi được tính tiếp theo Công ty T2 yêu cầu tính theo thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 02/01/2024 các bên đã ký kết kể từ ngày Công ty T2 có đơn yêu cầu thi hành án nên chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R thanh toán cho Công ty T2 số tiền còn nợ trong hợp đồng, nợ gốc: 406.917.646 đồng và tiền lãi tính đến ngày 01/8/2025 là 51.271.600 đồng, tổng cộng 458.189.246 đồng.

Tiền lãi được tính tiếp theo theo thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 02/01/2024 các bên đã ký kết kể từ ngày Công ty T2 có đơn yêu cầu thi hành án.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty T2 không phải chịu, trả lại tiền tạm ứng án phí mà Công ty T2 đã nộp. Ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R phải chịu toàn bộ án phí là 22.327.570 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 8 Điều 3, Điều 34, Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần T2 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" đối với bị đơn ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R.

Buộc ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần T2 số tiền nợ 458.189.246 đồng (bốn trăm năm mươi tám triệu một trăm tám mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi sáu đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 406.917.646 đồng và tiền lãi tính đến ngày 01/8/2025 là 51.271.600 đồng,

T1 lãi được tính tiếp theo theo thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 02/01/2024 kể từ ngày Công ty Cổ phần T2 có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí: Ông Võ Thành R - Chủ hộ kinh doanh Võ Thành R phải chịu 22.327.570 đồng (hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm bảy mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.575.000 đồng theo biên lai số 0014847 ngày 21/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc An